

Nghệ An, ngày 13 tháng 8 năm 2025

THÔNG BÁO HÀNG HẢI

**Về thông số kỹ thuật của luồng, vùng quay tàu, vùng nước trước cầu cảng
và vùng đón trả Hoa tiêu thuộc khu bến số 1 cảng VISSAI - Nghệ An**

Vùng biển: Nghệ An

Tên luồng: Luồng vào Khu bến số 1 thuộc Khu bến cảng Vissai - Nghệ An.

Căn cứ Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải; Khoản 18 Điều 1 Nghị định số 34/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hàng hải.

Xét đơn đề nghị công bố thông báo hàng hải số 491/CV-VIS-SL ngày 12/8/2025 của Công ty cổ phần Xi măng Sông Lam.

Cảng vụ Hàng hải Nghệ An thông báo thông số kỹ thuật của luồng tàu, vùng quay tàu, vùng nước trước cầu cảng và vùng đón trả Hoa tiêu thuộc khu bến số 1 cảng VISSAI - Nghệ An, độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200kHz tính đến mực nước “số 0 hải đồ” như sau:

1. Vùng đón trả hoa tiêu

Trong phạm vi vùng nước được giới hạn bởi đường tròn bán kính 300m, tâm tại vị trí có tọa độ:

Hệ VN 2000		Hệ WGS 84	
Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
18°52'18.0"	105°43'59.0"	18°52'14.4"	105°44'05.7"

Độ sâu đạt: 10.1m (mười mét một).

2. Luồng tàu

Trong phạm vi đáy luồng hàng hải rộng 100m được giới hạn và hướng dẫn bởi hệ thống báo hiệu hàng hải độ sâu đạt: 9.2m (chín mét hai).

3. Vùng quay tàu

Trong phạm vi vùng quay tàu được giới hạn bởi đường tròn có bán kính 185m, tâm O tại vị trí có tọa độ:

Hệ VN 2000		Hệ WGS 84	
Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
18°51'13.6"	105°42'40.4"	18°51'10.0"	105°42'47.1"

Độ sâu đạt: 9.9m (chín mét chín).

4. Vùng nước trước cầu cảng

4.1. Cầu cảng số 1

Trong phạm vi vùng nước được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN 2000		Hệ WGS 84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
N-1.1	18°51'03.9"	105°42'35.4"	18°51'00.3"	105°42'42.1"
F	18°51'01.3"	105°42'37.0"	18°50'57.8"	105°42'43.7"
B-1.2	18°51'04.1"	105°42'41.9"	18°51'00.5"	105°42'48.7"
N-1.2	18°51'06.6"	105°42'40.4"	18°51'03.0"	105°42'47.1"

Độ sâu đạt: 11.0m (mười một mét).

Lưu ý: Dải cạn có độ sâu từ 10.8m đến 10.9m, dọc theo tuyến mép cầu cảng, từ điểm F về phía điểm B-1.2 khoảng 15m và từ điểm F về phía điểm N-1.1 khoảng 12m, khu vực rộng nhất lấn vào vùng nước khoảng 7m.

4.2. Cầu cảng số 2

Trong phạm vi vùng nước được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN 2000		Hệ WGS 84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
N-1.2	18°51'06.6"	105°42'40.4"	18°51'03.0"	105°42'47.1"
B-1.2	18°51'04.1"	105°42'41.9"	18°51'00.5"	105°42'48.7"
B-2.3	18°51'06.8"	105°42'46.9"	18°51'03.2"	105°42'53.6"
N-2.3	18°51'09.3"	105°42'45.4"	18°51'05.8"	105°42'52.1"

Độ sâu đạt: 11.0m (mười một mét).

4.3. Cầu cảng số 3

Trong phạm vi vùng nước được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN 2000		Hệ WGS 84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
N-2.3	18°51'09.3"	105°42'45.4"	18°51'05.8"	105°42'52.1"
B-2.3	18°51'06.8"	105°42'46.9"	18°51'03.2"	105°42'53.6"
E'	18°51'09.5"	105°42'51.9"	18°51'05.9"	105°42'58.6"
KN-6	18°51'09.7"	105°42'52.2"	18°51'06.1"	105°42'58.9"
KN-5	18°51'12.2"	105°42'50.6"	18°51'08.6"	105°42'57.4"

Độ sâu đạt: 11.0m (mười một mét).

4.4. Cầu cảng số 4

Trong phạm vi vùng nước được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN 2000		Hệ WGS 84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
N-4.5	18°51'08.2"	105°42'36.4"	18°51'04.6"	105°42'43.1"
B-4.5	18°51'06.7"	105°42'33.7"	18°51'03.1"	105°42'40.4"
G	18°51'02.2"	105°42'36.5"	18°50'58.6"	105°42'43.2"
N-1.4	18°51'03.6"	105°42'39.1"	18°51'00.1"	105°42'45.8"

Độ sâu đạt: 10.9m (mười mét chín).

Lưu ý: Dải cạn có độ sâu từ 10.4m đến 10.8m, dọc theo tuyến mép cầu cảng, từ điểm B-4.5 về phía điểm G khoảng 65m, khu vực rộng nhất lấn vào vùng nước khoảng 2m.

4.5. Cầu cảng số 5

Trong phạm vi vùng nước được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN 2000		Hệ WGS 84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
N-5.6	18°51'12.7"	105°42'33.7"	18°51'09.1"	105°42'40.4"
B-5.6	18°51'11.2"	105°42'31.0"	18°51'07.6"	105°42'37.7"
B-4.5	18°51'06.7"	105°42'33.7"	18°51'03.1"	105°42'40.4"

Tên điểm	Hệ VN 2000		Hệ WGS 84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
N-4.5	18°51'08.2"	105°42'36.4"	18°51'04.6"	105°42'43.1"

Độ sâu đạt: 10.8m (mười mét tám).

Lưu ý: Dải cạn có độ sâu từ 10.3m đến 10.7m, dọc theo tuyến mép cầu cảng, khu vực rộng nhất lấn vào vùng nước khoảng 3m.

4.6. Cầu cảng số 6

Trong phạm vi vùng nước được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN 2000		Hệ WGS 84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
N-6.7	18°51'17.2"	105°42'30.9"	18°51'13.6"	105°42'37.6"
H	18°51'15.7"	105°42'28.3"	18°51'12.1"	105°42'35.0"
B-5.6	18°51'11.2"	105°42'31.0"	18°51'07.6"	105°42'37.7"
N-5.6	18°51'12.7"	105°42'33.7"	18°51'09.1"	105°42'40.4"

Độ sâu đạt: 10.8m (mười mét tám).

Lưu ý: Dải cạn có độ sâu từ 10.5m đến 10.7m, dọc theo tuyến mép cầu cảng, khu vực rộng nhất lấn vào vùng nước khoảng 3m.

4.7. Cầu cảng số 7

Trong phạm vi vùng nước được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN 2000		Hệ WGS 84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
KN-2'	18°51'20.0"	105°42'40.2"	18°51'16.4"	105°42'46.9"
KN-1'	18°51'21.1"	105°42'36.0"	18°51'17.5"	105°42'42.7"
N	18°51'19.8"	105°42'33.7"	18°51'16.2"	105°42'40.4"
M	18°51'17.2"	105°42'28.9"	18°51'13.6"	105°42'35.6"
KN9	18°51'16.9"	105°42'28.3"	18°51'13.3"	105°42'35.1"
KN8	18°51'16.6"	105°42'28.5"	18°51'13.0"	105°42'35.2"

Tên điểm	Hệ VN 2000		Hệ WGS 84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
KN7	18°51'16.3"	105°42'27.9"	18°51'12.7"	105°42'34.6"
B-6.7	18°51'14.0"	105°42'29.3"	18°51'10.4"	105°42'36.0"

Độ sâu đạt: 10.6m (mười mét sáu).

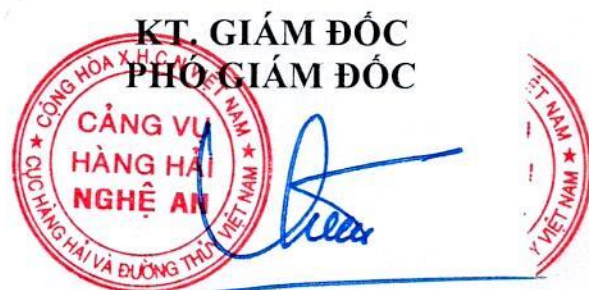
HƯỚNG DẪN HÀNH HẢI

Các phương tiện thủy hoạt động trên Luồng vào Khu bến số 1 thuộc Khu bến cảng Vissai - Nghệ An đi đúng tuyến luồng, theo hệ thống báo hiệu hàng hải dẫn luồng, lưu ý các điểm cần nói trên.

*Ghi chú: Truy cập bản tin Thông báo hàng hải trên trang
<https://cangvuhanghainghean.gov.vn>*

Nơi nhận:

- Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam (b/cáo);
- Các Cảng vụ hàng hải;
- Các Cảng vụ ĐTNĐ;
- Bộ tư lệnh Hải quân;
- Bộ tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam;
- Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;
- Tổng công ty Hàng hải Việt Nam;
- Hiệp hội Cảng biển Việt Nam;
- Tổng Công ty Bảo đảm An toàn hàng hải Việt Nam;
- Công ty TNHH MTV Hoa Tiêu hàng hải miền Bắc;
- Bảo đảm an toàn hàng hải Bắc Trung Bộ;
- Xí nghiệp Khảo sát BĐATHH miền Bắc;
- Chi nhánh Hoa tiêu VI;
- Công ty Thông tin điện tử hàng hải Việt Nam;
- Đài thông tin duyên hải Bến Thủy (th/hiện);
- Giám đốc (b/ cáo);
- Các PGĐ;
- DD Cửa Lò, AT-ANHH, VTS Cửa Lò (th/hiện);
- Công ty cổ phần Xi măng Sông Lam;
- Website Cảng vụ Hàng hải Nghệ An;
- Lưu: VT, QLKCHT.



Võ Xuân Thủy